

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO**Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030**

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CỦA TW	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	- Quy định tại tiết c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ. - Quy định tại Điều 1 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.	Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Quy định cụ thể về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình theo tình hình thực tế của địa phương; làm cơ sở để phân bổ nguồn vốn NSTW và cân đối, bố trí nguồn vốn NSDP.
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Quy định tại Điều 2 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.	1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các xã, phường và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.	Cụ thể hóa theo tình hình thực tế để thực hiện tại địa phương.
3	Điều 3. Nguyên tắc phân bổ	Quy định tại Điều 3 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.	1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.	Cụ thể hóa theo tình hình thực tế của địa phương để thực hiện.

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CỦA TW	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
			<p>2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.</p> <p>3. Việc phân bổ vốn đảm bảo không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.</p> <p>4. Ngân sách địa phương đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho cả Chương trình theo quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	
4	Điều 4. Tiêu chí, hệ số và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã	Quy định tại Điều 4 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.	<p>1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã</p> <p>a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1;</p> <p>b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã ATK, xã biên giới: Hệ số 50;</p> <p>c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;</p> <p>d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.</p> <p>Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.</p> <p>2. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã</p> <p>Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2026-2030 và hàng năm; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng</p>	<p>Cụ thể hóa theo tình hình thực tế của địa phương để làm cơ sở phân bổ nguồn vốn NSTW.</p> <p>Trên cơ sở tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030 của tỉnh được Trung ương giao theo tiêu chí, định mức, hệ số quy định tại Điều 4 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ; xác định số liệu về hiện trạng xã, thôn ĐBKK của tỉnh. Từ đó, xác định được tổng kế hoạch vốn phân bổ đối với từng xã trong giai đoạn 2026-2030.</p>

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CỦA TW	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
			<p>phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đến từng nội dung thành phần và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã, phường.</p> <p>3. Căn cứ xác định số liệu</p> <p>a) Số lượng xã của tỉnh căn cứ theo Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025.</p> <p>b) Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN căn cứ theo Quyết định số 60/QĐ-BDTT ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</p> <p>c) Số lượng xã biên giới căn cứ theo Phụ lục I và II kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.</p> <p>d) Số lượng xã ATK do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang công nhận tại Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 30/12/2025.</p>	

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CỦA TW	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
5	Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh		<p>1. Tiêu chí phân bổ: Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh căn cứ vào các tiêu chí:</p> <p>a) Nhiệm vụ của Chương trình do cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>b) Khối lượng nhiệm vụ, nhu cầu vốn thực hiện; nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị.</p> <p>c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc năm 2025.</p> <p>2. Định mức phân bổ</p> <p>Căn cứ vào tổng mức vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại nghị quyết để phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; mức phân bổ theo đề xuất nhu cầu thực tế nhưng tối đa không quá 10% (bao gồm vốn đầu tư và kinh phí thường xuyên) kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.</p>	Cụ thể hóa theo tình hình thực tế của địa phương để làm cơ sở phân bổ nguồn vốn NSTW cho các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh. Căn cứ dự kiến phân bổ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Trung ương; dự kiến phân bổ cho các bộ, ngành trung ương 10% tổng kế hoạch vốn của Chương trình giai đoạn 2026-2030.

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CỦA TW	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
6	Điều 6. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương		<p>1. Ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>2. Ngân sách địa phương đối ứng bao gồm vốn bố trí trực tiếp cho Chương trình và vốn bố trí để thực hiện đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh và của xã, phường.</p> <p>3. Các xã, phường có trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình.</p>	Cụ thể hóa theo tình hình thực tế của địa phương để làm cơ sở cân đối, bố trí nguồn vốn NSDP đối ứng thực hiện Chương trình.
7	Điều 7. Nội dung sử dụng ngân sách tỉnh		<p>1. Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương đã được hỗ trợ cho xã theo tiêu chí, hệ số, định mức quy định tại Điều 3 Nghị quyết này).</p> <p>2. Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên hỗ trợ thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS&MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.</p> <p>3. Căn cứ vào đề xuất, nhu cầu của các địa phương, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo nhu cầu kinh phí để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.</p>	Cụ thể hóa theo tình hình thực tế của địa phương để tập trung nguồn vốn thực hiện các mục tiêu của Chương trình nhất là đối với những nội dung NSTW không hỗ trợ thực hiện.

STT	NỘI DUNG	QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CỦA TW	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
8	Điều 8. Tổ chức thực hiện			
9	Điều 9. Điều khoản thi hành			